Ký bởi: Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa
Email: sxd@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa
Thời gian ký: 05.11.2015 10:10:14 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23 /2014/QĐ-UBND	*Nha Trang, ngày 12 tháng 11 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính Phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2450/TTr-SXD ngày 15/10/2014 V/v Ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy định một số nội dung về Quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phân cấp, ủy quyền và những hoạt động liên quan về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Cục GĐNN về CLCTXD;
- Vụ Pháp chế Bộ Công an;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.HĐND, TT.UBND;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Khánh Hòa;
- Các Phòng: TH, KT, VX, NC;
- Lưu: VT, MN, VC, HgP, CN.

102

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quy định một số nội dung về
Quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về: phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, về điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng, giám định tư pháp xây dựng liên quan đến chất lượng công trình xây dựng.

2. Trường hợp Điều ước Quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có những quy định khác với các quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định tại Điều ước Quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các chủ đầu tư, nhà thầu trong nước, nhà thầu nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân khác tham gia hoạt động xây dựng có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng, các hoạt động xây dựng khác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Nội dung quản lý chất lượng công trình theo Quy định này được hiểu bao gồm: quản lý chất lượng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng; bảo hành và bảo trì; quản lý và sử dụng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, cơ quan chuyên môn về xây dựng ở tỉnh bao gồm: Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng ở huyện, thành phố, thị xã bao gồm: Phòng Kinh tế hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị.

Các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Quy định này sau đây được viết tắt như sau:

Nghị định 180/CP là Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị;

Nghị định 12/CP là Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định 83/CP là Nghị định 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định 112/CP là Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định 37/CP là Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Nghị định 71/CP là Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Nghị định 15/CP là Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Nghị định 85/CP là Nghị định 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp;

Nghị định 121/CP là Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Thông tư 03/BXD là Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Thông tư 12/BXD là Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;

Thông tư 22/BXD là Thông tư số 22/2009/TT-BXD ngày 06/7/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng;

Thông tư 05/BXD là Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

Thông tư 10/2013/BXD là Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Thông tư 13/BXD là Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;

Thông tư 04/BXD là Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư 10/2014/BXD là Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về quản lý chất lượng nhà ở riêng lẻ;

Thông tư 09/BXD là Thông tư số 09/2014/TT-BXD ngày 10/7/2014 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Thông tư 11/BXD là Thông tư số 11/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng quy định công khai thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình.

Chương II

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 4. Phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

a) Đầu mối giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Nghị định 15/2013/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này.

b) Trực tiếp thực hiện quản lý chất lượng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn

tỉnh theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 41 Nghị định 15/2013/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này.

c) Hướng dẫn, tổ chức hoặc chỉ định tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện việc giám định chất lượng, giám định sự cố công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.

d) Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng tình hình chất lượng và quản lý chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

2. Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định 15/2013/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này. Hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng do Bộ chủ quản ban hành và yêu cầu của UBND tỉnh.

b) Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với những chủ đầu tư, ban quản lý dự án công trình xây dựng thuộc chuyên ngành mình quản lý; tham gia xử lý các vi phạm về chất lượng theo quy định của pháp luật.

c) Tham gia quản lý chất lượng các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành mình quản lý theo quy định tại Điểm b, c, d Khoản 4 Điều 41 Nghị định 15/2013/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này.

d) Báo cáo về công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình xây dựng do mình làm chủ đầu tư về Sở Xây dựng theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thuộc địa giới hành chính do mình quản lý theo quy định tại Khoản 3 Điều 45 Nghị định 15/2013/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình chất lượng và quản lý chất lượng các công trình xây dựng theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện giúp UBND cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc địa giới hành chính do huyện quản lý.

4. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu đô thị, Ban Quản lý Khu công nghiệp, Khu kinh tế:

a) Chịu trách nhiệm quản lý về chất lượng công trình xây dựng thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

b) Tham gia hoặc phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng trong khu đô thị, khu kinh tế khi có yêu cầu.

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình chất lượng và quản lý chất lượng các công trình xây dựng theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

5. Các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện, Ban Quản lý khu đô thị, Ban Quản lý Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng; thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo phân cấp quy định tại Điều 24, Điều 25 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này; Điều 6 Quy định này.

Điều 5. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các bên liên quan

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức quản lý toàn diện chất lượng công trình xây dựng kể từ khảo sát, thiết kế đến thi công xây dựng và nghiệm thu bảo hành công trình theo quy định tại Điều 2 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này. Trường hợp thực hiện hình thức tổng thầu như: EPC, EC, C, EP, PC, BOT, BTO, BT, PPP thực hiện quản lý chất lượng công trình theo quy định tại Điều 3, Điều 4, và Điều 5 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

2. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát và các bên liên quan thực hiện quản lý tiến độ xây dựng, quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình, quản lý an toàn lao động trên công trường xây dựng, quản lý môi trường xây dựng và phá dỡ công trình theo quy định từ Điều 28 đến Điều 32 Nghị định 12/2009/NĐ-CP và Chương II, Chương III Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

3. Đơn vị được giao làm chủ đầu tư có trách nhiệm mời đơn vị quản lý, sử dụng công trình tham gia trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình và đơn vị quản lý, sử dụng có trách nhiệm cử người tham gia với đơn vị được giao làm chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thiết kế, theo dõi, quản lý, nghiệm thu và tiếp nhận đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 03/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

4. Trung tâm Qui hoạch và Kiểm định xây dựng, các đơn vị tư vấn có chức năng kiểm định xây dựng trên địa bàn có trách nhiệm tham gia thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng; thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu trong quá trình thi công xây dựng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây

dựng trên địa bàn theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

5. Đơn vị tư vấn được chọn tham gia các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều này có trách nhiệm lập dự toán chi phí kiểm tra theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và chịu trách nhiệm lập các báo cáo kết quả kiểm tra, hồ sơ kiểm tra theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Điều 6. Phân cấp thẩm tra thiết kế xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng:

a) Các Sở Xây dựng, Sở quản lý xây dựng chuyên ngành thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng các công trình thuộc mọi nguồn vốn quy định tại Khoản 6 Điều 25 Thông tư 10/2013/TT-BXD và Thông tư 09/2014/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều này.

b) Các cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng các công trình cấp IV thuộc mọi nguồn vốn trên địa bàn của huyện theo quy định tại Khoản 6 Điều 25 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a, c Khoản 1 Điều này.

c) Ban Quản lý Khu đô thị, Khu công nghiệp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng các công trình cấp IV thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Khoản 6 Điều 25 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này.

d) Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

đ) Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng kiểm tra công tác kiểm tra lần cuối trước khi đưa công trình vào sử dụng đối với tất cả các công trình quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này.

e) Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với các công trình không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này.

2. Phân cấp thẩm tra thiết kế xây dựng:

a) Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo chuyên ngành quản lý trên địa bàn tỉnh đối với các công trình quy định tại Khoản 7 Điều 5 Thông tư 13/2013/TT-BXD và Khoản 3 Điều 3 Thông tư 09/2014/TT-BXD nêu tại Điều 3

Quy định này, trừ các công trình do các Bộ thẩm tra và các công trình quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

b) Các cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thực hiện thẩm tra thiết kế công trình xây dựng đối với các công trình cấp IV trên địa bàn của huyện, được quy định tại Khoản 7 Điều 5 Thông tư 13/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này. Riêng nhà ở riêng lẻ thực hiện thẩm tra thiết kế theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

c) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế công trình xây dựng đối với các công trình không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này.

d) Nội dung thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại Điều 4 Thông tư 13/2013/TT-BXD và Điều 3 Thông tư 09/2014/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

Điều 7. Quy định về hồ sơ quản lý chất lượng

1. Chủ đầu tư và các bên liên quan chỉ được khởi công khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 107 Luật Xây dựng; thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Chương V Luật Xây dựng và các quy định khác liên quan.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo ngày khởi công xây dựng bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình; gửi 01 bộ hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt cùng quyết định phê duyệt bản vẽ thiết kế thi công đến cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành theo phân cấp quản lý chất lượng quy định tại Điều 4 của Quy định này để theo dõi.

3. Thiết kế bản vẽ thi công phải được chủ đầu tư hoặc đại diện được uỷ quyền của chủ đầu tư xác nhận bằng chữ ký và đóng dấu đã phê duyệt vào từng tờ bản vẽ trước khi đưa ra thi công.

4. Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm lập bản vẽ hoàn công bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình xây dựng do mình thi công trên cơ sở thiết kế bản vẽ thi công được duyệt để làm căn cứ nghiệm thu. Riêng các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu và lập bản vẽ hoàn công trước khi tiến hành các công việc tiếp theo; cách lập và xác nhận bản vẽ hoàn công theo hướng dẫn tại Phụ lục 2, 3 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Điều 18 và Phụ lục 5 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

Chương III

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG NHÀ Ở RIÊNG LẺ

Điều 8. Quy định về quản lý chất lượng nhà ở riêng lẻ

1. Việc quản lý chất lượng nhà ở riêng lẻ thực hiện theo quy định tại Điều 41, 42 và 43 Nghị định 71/2010/NĐ-CP, hướng dẫn tại Thông tư 10/2014/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này và những quy định khác có liên quan.

2. Khái niệm "Nhà ở riêng lẻ", "Công trình liền kề", "Công trình lân cận" được hiểu theo quy định tại Điều 3 Thông tư 10/2014/BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

3. Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện các quy định về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ trên địa bàn, xử lý vi phạm theo phân cấp quản lý nhà nước quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

Điều 9. Thẩm tra thiết kế nhà ở riêng lẻ

1. Nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên, chủ nhà phải gởi hồ sơ thiết kế đến Sở Xây dựng để thẩm tra thiết kế trước khi xin phép xây dựng.

2. Nội dung thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 13/2013/TT-BXD và Điều 3 Thông tư 09/2014/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

Điều 10. Quy định về khảo sát, thiết kế và quản lý thi công xây dựng nhà ở riêng lẻ

1. Chủ nhà khi xây dựng nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn lớn hơn 250m^2, từ 3 tầng trở lên (tính cả tầng hầm) phải thuê nhà thầu khảo sát địa chất công trình thực hiện khảo sát địa chất công trình; thiết kế và thi công phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện theo quy định tại Thông tư 22/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

2. Đối với nhà ở riêng lẻ dưới 3 tầng, chủ nhà được phép sử dụng kết quả khảo sát địa chất có sẵn tại khu vực lân cận, liền kề làm tài liệu thiết kế, mà không phải thực hiện khoan khảo sát địa chất. Cơ quan cấp phép xây dựng theo phân cấp, ủy quyền về cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể phạm vi, điều kiện cho phép sử dụng hồ sơ,

báo cáo khảo sát địa chất này trong thủ tục hành chính về cấp phép xây dựng trên địa bàn cấp huyện.

3. Nhà ở trong khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa hoặc trường hợp nâng tầng, không phân biệt quy mô, phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động thiết kế xây dựng thực hiện.

4. Đối với nhà ở từ 7 tầng trở lên, chủ nhà phải thực hiện báo cáo thông tin công trình ngay sau khi khởi công, tổ chức giám sát và nghiệm thu theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư 10/2014/BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

5. Trước khi thi công, chủ nhà phải kiểm tra hiện trạng và ghi nhận các khuyết tật của công trình lân cận, liền kề có xác nhận của chủ công trình lân cận, liền kề làm cơ sở giải quyết tranh chấp liên quan trong quá trình xây dựng.

6. Cơ quan cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ theo phân cấp hướng dẫn thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 11. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực quy định tại Nghị định 37/2010/NĐ-CP; Nghị định 12/2009/NĐ-CP; Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Thông tư 22/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

2. Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng theo hướng dẫn tại các Điều 5, 6, 7, 8 Thông tư 22/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này tự xếp hạng năng lực của tổ chức mình để các chủ đầu tư làm cơ sở lựa chọn khi ký hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

3. Các cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận do các cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp và các quy định tại Điều 3 Thông tư 22/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện năng lực để thực hiện các công việc không đảm bảo chất lượng hoặc xảy ra sự cố gây thiệt hại về người và tài sản.

5. Tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng phải đăng tải thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định tại Điều 8 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Thông tư 11/2014/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

6. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc công khai thông tin của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư 11/2014/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

Điều 12. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

1. Chứng chỉ hành nghề cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa do Giám đốc Sở Xây dựng cấp theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này. Thủ tục, trình tự xét cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư 12/2009/TT-BXD và Quy định này.

2. Người được cấp chứng chỉ hành nghề phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 6 Thông tư 12/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này. Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 12/2009/TT-BXD và khoản 3 Điều này.

3. Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng được ghi trên chứng chỉ hành nghề chỉ xác định ngành, lĩnh vực và loại công trình cá nhân được phép hành nghề. Chủ đầu tư có trách nhiệm xác định năng lực kinh nghiệm thực tế của cá nhân tham gia thực hiện các hợp đồng tư vấn phù hợp với cấp công trình theo quy định tại Chương IV Nghị định 12/2009/NĐ-CP, Chương II Nghị định 37/2010/NĐ-CP và Chương II Thông tư 22/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

4. Một số quy định cụ thể:

a) Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng phải do cơ sở đào tạo được Bộ Xây dựng công nhận cấp, có nội dung đào tạo phù hợp với loại công trình xin cấp chứng chỉ.

b) Trường hợp có khác biệt thông tin về nhân thân (ngày, tháng, năm sinh, họ và tên...) ghi trên chứng minh nhân dân với các văn bằng, chứng chỉ đào tạo trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phải có văn bản xác nhận lại thông tin sai lệch của cơ quan có thẩm quyền, nộp kèm hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

c) Trường hợp bằng cấp chuyên môn không ghi rõ chuyên ngành đào tạo phù hợp nội dung đăng ký cấp chứng chỉ, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ phải có giấy xác nhận hoặc bảng điểm có chứng thực thể hiện rõ chuyên

ngành đã học của cơ sở đào tạo, để chứng minh chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề.

d) Trường hợp cơ quan, tổ chức đang quản lý trực tiếp không xác nhận kinh nghiệm của cá nhân khi hoạt động xây dựng tại cơ quan, tổ chức quản lý trước đó, thì cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ phải bổ sung văn bản xác nhận kinh nghiệm hoạt động xây dựng của cơ quan, tổ chức quản lý trước đó trong hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

đ) Người đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trực tiếp hoặc có thể ủy quyền hợp pháp cho người khác nộp hồ sơ và nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng.

5. Hội đồng tư vấn xét cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng do Giám đốc Sở Xây dựng quyết định thành lập và hoạt động theo quy chế của Hội đồng tư vấn. Nội dung quy chế hoạt động do Giám đốc Sở Xây dựng ban hành theo hướng dẫn tại Phụ lục số 4 Thông tư số 12/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

6. Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 5 Thông tư 12/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

7. Hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 Thông tư 12/2009/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này và được niêm yết tại bộ phận một cửa của Sở Xây dựng.

Điều 13. Chứng chỉ Kỹ sư định giá xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện tư vấn các công việc quản lý chi phí phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định 83/2009/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này.

2. Chứng chỉ Kỹ sư định giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa do Giám đốc Sở Xây dựng cấp theo hướng dẫn tại Nghị định số 112/2009/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này. Thủ tục, trình tự xét cấp chứng chỉ Kỹ sư định giá xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư 05/2010/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

3. Người được cấp chứng chỉ Kỹ sư định giá xây dựng phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 20 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này.

4. Tổ chức, cá nhân được cấp chứng chỉ Kỹ sư định giá xây dựng thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 16 Thông tư 05/2010/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

5. Hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ Kỹ sư định giá xây dựng thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 5, Phụ lục 6 và Phụ lục 7 Thông tư 05/2010/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này và được niêm yết tại bộ phận một cửa của Sở Xây dựng.

Chương V

GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG

Điều 14. Điều kiện năng lực cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng

1. Nội dung giám định tư pháp xây dựng bao gồm: giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng, giám định tư pháp về chất lượng xây dựng, giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.

2. Khi tham gia hoạt động giám định tư pháp xây dựng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, giám định viên tư pháp xây dựng hoặc người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 5 Thông tư 04/2014/TT-BXD; tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 6 Thông tư 04/2014/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

3. Văn phòng giám định tư pháp xây dựng được thành lập theo quy định của Luật Giám định tư pháp, có đăng ký hoạt động trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng, được tham gia giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc.

4. Cá nhân, tổ chức khi tham gia giám định tư pháp xây dựng phải tuân thủ trình tự, thủ tục thực hiện giám định tư pháp xây dựng theo quy định tại Chương III Thông tư 04/2014/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này và những quy định liên quan.

Điều 15. Đăng ký, công bố thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng

1. Giám định viên tư pháp xây dựng được bổ nhiệm theo quy định tại Điều 8 Thông tư 04/2014/TT-BXD. Danh sách cá nhân và thông tin của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng được công bố theo quy định tại Điều 9 Thông tư 04/2014/TT- BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

2. Trường hợp bên yêu cầu giám định không lựa chọn được cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đã được Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin, bên yêu cầu giám định đề nghị Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng giới thiệu cá nhân, tổ chức tham gia giám định.

3. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn quy định tại Điều 17 Thông tư 04/2014/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Chủ đầu tư là các Sở, UBND cấp huyện, các Ban Quản lý dự án thuộc tỉnh, Ban Quản lý: Khu đô thị, Khu công nghiệp, Khu kinh tế có trách nhiệm báo cáo về Sở Xây dựng định kỳ trước ngày 05 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng), trước ngày 05 tháng 12 (đối với báo cáo năm) về tình hình chất lượng công trình xây dựng và công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng do mình làm chủ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này và các biểu mẫu quy định tại Thông tư 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng Quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng.

2. Chủ đầu tư không quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện (theo phân cấp quản lý tại khoản 3 Điều 4 Quy định này) định kỳ trước ngày 01 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng), trước ngày 01 tháng 12 (đối với báo cáo năm) về công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này để tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng.

3. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng tình hình chất lượng và quản lý chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh định kỳ trước ngày 15 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng), trước ngày 15 tháng 12 (đối với báo cáo năm) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục 6 Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này và Thông tư 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng Quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng.

4. Chủ đầu tư (đối với công trình xây dựng đang thi công), chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng (đối với công trình đang sử dụng, vận hành, khai thác) và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm lập báo cáo sự cố công trình, giải quyết sự cố, tổ chức giám định nguyên nhân sự cố và lập hồ sơ sự cố theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này.

5. Phân cấp sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư 10/2013/TT-BXD;

Cấp công trình thực hiện theo Phụ lục 1 ban hành kèm Thông tư 10/2013/TT-BXD nêu tại Điều 3 Quy định này.

Điều 17. Thanh tra, kiểm tra và xử phạt trong hoạt động xây dựng

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các đơn vị liên quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh. Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý đối với những hành vi vi phạm những quy định trong lĩnh vực hoạt động xây dựng.

2. Việc xử phạt hành chính đối với những hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP; Nghị định 180/2007/NĐ-CP nêu tại Điều 3 Quy định này và những quy định của thanh tra chuyên ngành xây dựng.

3. Kết quả thanh tra, kiểm tra được tổng hợp và báo cáo UEND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện Quy định này cho UBND tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Sở Xây dựng, tổng hợp trình UBND tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Nguyễn Chiến Thắng